

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Minh Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thắng

2. Ông Bùi Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Phương – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên toà: Ông Đinh Thế Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 05 và 23 tháng 05 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 04 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 05 năm 2024 đối với:

- Bị cáo: Bùi Thị N, sinh ngày 06/12/1961 tại xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị B (đã chết); Bị cáo có chồng là Bùi Văn B1, sinh năm 1960 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2024 đến ngày 24/01/2024; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Bùi Thị D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

+ Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

+ Ông Bùi Văn T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Bùi Thị B2, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Phố C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).

+ Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Phố C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Bùi Thị M, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

+ Bà Bùi Thanh H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Phố C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 06 đến tháng 09 năm 2019 và tháng 01 năm 2023, Bùi Thị N sử dụng số tiền của bản thân cho Bùi Thị Y và Bùi Thanh H vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm, năm mươi triệu đồng); cho Bùi Thị D, Bùi Thị M vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm, năm mươi triệu đồng); cho Bùi Thị B2 vay số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng); cho Bùi Thị N1 vay số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng); cho Bùi Văn T vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tất cả khoản vay với mức lãi suất vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự từ 5,48 lần thu lời bất chính tổng số tiền: 338.824.534đ (ba trăm ba mươi tám triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm ba mươi tư đồng) và còn thu lợi số tiền 298.224.658đ (hai trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng), Phương thức cho vay tiền và thu tiền lãi của Bùi Thị N là gặp trực tiếp người vay để đưa tiền vay và nhận tiền lãi, đồng thời Bùi Thị N còn dùng 03 (ba) cuốn sổ để ghi chú lại các khoản vay và tiền lãi của những người vay, cụ thể từng lần vay như sau:

1. Khoảng tháng 9/2019, Bùi Thị N cho bà Bùi Thị Y, sinh năm 1982 và bà Bùi Thanh H, sinh năm 1985 cùng trú tại Phố C, TT V, huyện L, tỉnh Hòa Bình vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày (*ba nghìn đồng trên một triệu trên một ngày*). Bà Bùi Thị Y đã trả lãi cho bà N số tiền 61.600.000đ (Sáu mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) với số ngày lãi là 82 ngày (tám mươi hai ngày). Bùi Thị Y chưa trả cho Bùi Thị N số tiền gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền lãi mà Bùi Thị Y còn phải trả cho Bùi Thị N là 229.800.000đ (Hai trăm hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) với số ngày lãi là 306 ngày.

2. Vào ngày 27/8/2019, Bùi Thị N cho bà Bùi Thị D, sinh năm 1988, trú tại xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình và Bùi Thị M, sinh năm 1970, trú tại: xóm C, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình vay chung số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày (*ba nghìn đồng trên một triệu trên một ngày*). Bà Bùi Thị D và Bùi Thị M đã trả lãi cho Bùi Thị N số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) với số ngày lãi là 360 ngày (ba trăm sáu mươi ngày). Bùi Thị D và Bùi Thị M chưa trả cho Bùi Thị N số tiền gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền lãi mà Bùi Thị D còn phải trả cho Bùi Thị N là 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) với số ngày lãi là 180 ngày.

3. Bà Bùi Thị B2, sinh năm 1978, trú tại phố C, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình vay ba khoản tiền có tính lãi: Cụ thể là:

+ *Khoản vay thứ nhất:* Vào ngày 28/06/2019, Bùi Thị N cho bà Bùi Thị B2 vay số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng), lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày (*ba nghìn đồng trên một triệu trên một ngày*). Bà Bùi Thị B2 đã trả lãi cho Bùi Thị N số tiền 59.550.000đ (năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn

đồng) với số ngày lãi là 233 ngày (hai trăm ba mươi ba).

+ *Khoản vay thứ hai*: Vào ngày 12/9/2019, Bùi Thị N cho Bùi Thị B2 vay số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), lãi suất là 4%/01tháng/01 triệu (*bốn phần trăm trên một tháng trên một triệu đồng*). Bà Bùi Thị B2 đã trả lãi cho Bùi Thị N số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) với số ngày lãi là 150 ngày (một trăm năm mươi).

+ *Khoản vay thứ ba*: Vào ngày 15/9/2019, Bùi Thị N cho Bùi Thị B2 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi suất là 4%/01 tháng/01 triệu (*bốn phần trăm trên một tháng trên một triệu đồng*). Bà Bùi Thị B2 đã trả lãi cho Bùi Thị N số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với số ngày lãi là 150 ngày. Hiện nay, Bùi Thị B2 chưa trả cho Bùi Thị N tổng số 265.000.000đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng) tiền gốc.

4. Vào ngày 17/01/2023, Bùi Thị N cho bà Bùi Thị N1, sinh năm 1992, trú tại xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình vay số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), lãi suất 3.000đ/01 triệu/ 01 ngày (ba nghìn đồng trên một triệu trên một ngày). Đến ngày 13/5/2023, Bùi Thị N1 đã trả lãi cho N số tiền là 2.457.000đ (hai triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tương ứng với 117 ngày lãi (một trăm mười bảy ngày). Bùi Thị N1 đã trả hết số tiền gốc 7.000.000đ (bảy triệu đồng) cho Bùi Thị N.

5. Vào ngày 20/01/2023, Bùi Thị N cho Bùi Văn T, sinh năm 1984, trú tại: xóm N, xã T, L, Hòa Bình vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất là 3.000đ/01 triệu/01 ngày (ba nghìn đồng trên một triệu trên một ngày). Ông Bùi Văn T đã trả lãi cho bà N số tiền 20.880.000đ (hai mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), với số ngày lãi là 348 ngày (Ba trăm bốn mươi tám). Bùi Văn T đã trả hết số tiền gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho Bùi Thị N.

Căn cứ Công văn số 13/TTGSNH, ngày 23/01/2024 và Công văn số 27/TTGSNH, ngày 29/02/2024 của Ngân hàng N3 chi nhánh tỉnh H, xác định:

- Mức lãi suất Bùi Thị N cho Bùi Thị Y và Bùi Thanh H vay vượt quá 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Bùi Thị N đã thu lợi bất chính 50.367.123đ (*năm mươi triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba đồng*) và Bùi Thị N còn thu lợi bất chính số tiền 187.882.192đ (Một trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi hai đồng).

- Mức lãi suất Bùi Thị N cho Bùi Thị D, Bùi Thị M vay vượt quá 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Bùi Thị N đã thu lợi bất chính 220.684.932đ (*hai trăm hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*) và Bùi Thị N còn thu lợi bất chính số tiền 110.342.466đ (*một trăm mười triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng*).

- Mức lãi suất Bùi Thị N cho Bùi Thị B2 vay vượt quá 5,48 lần và 2,43 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Cụ thể:

+ *Khoản vay ngày 28/6/2019*: Bùi Thị N cho vay vượt quá 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự thu lợi bất chính số tiền: 48.697.945đ (*bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

+ *Khoản vay ngày 12/9/2019*: Bùi Thị N cho vay vượt quá 2,43 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự thu lợi bất chính số tiền 9.424.658đ

(chín triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

+ Khoản vay ngày 15/9/2019: Bùi Thị N cho vay vượt quá 2,43 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự thu lợi bất chính số tiền 11.780.822đ (mười một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).

- Mức lãi suất Bùi Thị N cho Bùi Thị N1 vay vượt quá 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Bùi Thị N đã thu lợi bất chính 2.008.233đ (hai triệu, không trăm linh tám nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng).

- Mức lãi suất Bùi Thị N cho Bùi Văn T vay vượt quá 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Bùi Thị N đã thu lợi bất chính 17.066.301đ (mười bảy triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm linh một đồng).

Đối với hành vi mà Bùi Thị N cho Bùi Thị B2 vay với mức lãi suất gấp 2,43 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền lãi suất là: 21.205.480đ (hai mươi một triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng). Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình đã đề xuất UBND huyện L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên theo quy định tại Điểm đ, Khoản 4, Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP. UBND huyện L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên, bị cáo đã chấp hành.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 (một) quyển sổ nhãn hiệu: “HẢI TIẾN”, loại: SUCCESS-KS8, bìa sổ ghi dòng chữ: “Ngày 15/5/2022 Bùi Thị Nhiệm N2 – T”. Trong quyển sổ có ghi các nội dung có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- 01 (một) quyển sổ học sinh nhãn hiệu: “HẢI TIẾN”, do T1 Tiểu học và THCS xã T phát hành. Trong quyển sổ có ghi các nội dung liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- 01 (một) quyển sổ nhãn hiệu: “HẢI TIẾN”, loại: HIGHLIGHT – KH8, bìa sổ có ghi dòng chữ: “Sổ Bùi Thị N xóm N – Tân Mỹ tháng 11/2020”. Trong quyển sổ có ghi các nội dung có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- 01 (một) giấy biên nhận đề ngày 30/8/2020. Người vay có tên Bùi Thanh H và Bùi Thị Y, có chữ ký xác nhận của Bùi Thị N.

- 01 (một) giấy biên nhận đề ngày 27/8/2019. Người ký xác nhận có tên Bùi Thị D, địa chỉ tại xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình và Bùi Thị M, địa chỉ tại xóm C, xã B, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có chữ ký xác nhận của Bùi Thị N.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện L đã đưa các tài liệu, đồ vật đã thu giữ nêu trên vào hồ sơ vụ án để phục vụ công tác điều tra, truy tố xét xử.

Quá trình điều tra, Bùi Thị N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS-LS ngày 17 tháng 04 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã truy tố Bùi Thị N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Lạc Sơn, sau

khi xem xét, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trình bày quan điểm và luận tội:

+ Giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị N phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị N từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Truy thu thu sung nộp ngân sách Nhà nước số tiền của bị cáo và những người tham gia tố tụng; buộc bị cáo Bùi Thị N phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

Bị cáo Bùi Thị N đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố, không có ý kiến bổ sung và xin giảm nhẹ hình phạt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Thị D, Bùi Thị M, Bùi Thị N1 có mặt tại phiên tòa, đề nghị HĐXX xem xét và giải quyết các khoản vay với bị cáo Bùi Thị N theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện L, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nhận của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 01 năm 2023 tại xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Bùi Thị N do hám lời đã sử dụng số tiền của bản thân cho Bùi Thị Y, Bùi Thanh H vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm, năm mươi triệu đồng); cho Bùi Thị D, Bùi Thị M vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm, năm mươi triệu đồng); cho Bùi Thị B2 vay số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng); cho Bùi Thị N1 vay số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng); cho Bùi Văn T vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tất cả khoản vay với mức lãi suất vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 5,48 lần, thu lời bất chính tổng số tiền: 338.824.534 (ba trăm ba mươi tám triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm

trăm ba mươi tư đồng) và còn nhằm thu lợi số tiền 298.224.658đ (hai trăm chín mươi tám triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng). Vì vậy, việc bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo Bùi Thị N có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có chồng Bùi Thanh B3 là người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội, bị cáo được hưởng trợ cấp xã hội là người chăm sóc người khuyết tật. Mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Cân nhắc tính chất lỗi, nguyên nhân, điều kiện và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Xét thấy, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên áp dụng với bị cáo hình phạt tù có điều kiện cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách pháp luật hình sự khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không có tính khả thi, do đó không áp dụng.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với khoản vay của Bùi Thị B2: Vay tổng cộng 3 lần = 265.000.000đ (Bùi Thị B2 chưa trả tiền gốc); Tuy nhiên Bùi Thị N chỉ phải chịu trách nhiệm về lần cho vay ngày 28/6/2019 khi cho Bùi Thị B2 vay số tiền 85.000.000đ với lãi suất vay vượt quá 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu tiền lãi 59.550.000đ (năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó

tiền lãi được thu theo quy định là 10.852.055đ; khoản thu lợi bất chính số tiền: 48.697.945đ (bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng). Do đó cần truy thu đối với Bùi Thị B2 85.000.000đ tiền mà bị cáo N cho B2 vay chưa trả gốc; Truy thu đối với Bùi Thị N số tiền lãi 10.852.055đ. Buộc bị cáo Bùi Thị N phải trả cho Bùi Thị B2 số tiền lãi, đã thu bất chính 48.697.945đ (bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng). Đối với các khoản vay chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan CSĐT Công an huyện L đã giải quyết theo đúng trình tự, do đó HĐXX không đề cập tới trong vụ án này.

Đối với khoản vay của bà Bùi Thị Y và Bùi Thanh H: Vay 250.000.000đ chưa trả gốc; Bùi Thị N thu lãi tổng số tiền: 61.600.000đ (trong đó tiền lãi được thu theo quy định là 11.232.877đ; khoản thu lợi bất chính: 50.367.123đ). Cần truy thu đối với Bùi Thị Y và Bùi Thanh H số tiền 250.000.000đ tiền mà bị cáo N cho Y và H vay nhưng chưa trả gốc; Truy thu đối với Bùi Thị N số tiền lãi 11.232.877đ để sung quỹ nhà nước; Buộc bị cáo Bùi Thị N phải trả cho Bùi Thị Y và Bùi Thanh H số tiền lãi, đã thu bất chính 50.367.123đ.

Đối với khoản vay của bà Bùi Thị D và bà Bùi Thị M: Vay số tiền Vay 250.000.000đ chưa trả gốc; Bùi Thị N thu lãi tổng số tiền: 270.000.000đ (trong đó tiền lãi được thu theo quy định là 49.315.063đ; khoản thu lợi bất chính: 220.684.932đ). Cần truy thu đối với Bùi Thị D và Bùi Thị M số tiền 250.000.000đ tiền mà bị cáo N cho D và M vay nhưng chưa trả gốc; Truy thu đối với Bùi Thị N số tiền lãi 49.315.063đ để sung quỹ nhà nước; Buộc bị cáo Bùi Thị N phải trả cho Bùi Thị D và Bùi Thị M số tiền lãi, đã thu bất chính 220.684.932đ.

Đối với khoản vay của Bùi Thị N1: Vay 7.000.000đ đã trả lãi và gốc, Bùi Thị N thu lãi tổng số tiền: 2.457.000đ (trong đó tiền lãi được thu theo quy định là 448.767đ; khoản thu lợi bất chính: 2.008.233đ); cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước với số tiền 7.000.000đ đối với Bùi Thị N, đây là số tiền mà bị cáo N cho N1 vay nhưng đã trả; Truy thu đối với Bùi Thị N số tiền lãi 448.767đ để sung quỹ nhà nước; Buộc Bùi Thị N phải trả lại cho bà Bùi Thị N1 số tiền 2.008.233đ

Đối với khoản vay của Bùi Văn T: Vay 20.000.000đ đã trả lãi và gốc, Bùi Thị N thu lãi tổng số tiền 20.880.000đ (trong đó tiền lãi được thu theo quy định là 3.813.699đ; khoản thu lợi bất chính: 17.066.301đ); cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước với số tiền 20.000.000đ đối với Bùi Thị N, đây là số tiền mà bị cáo N cho T vay nhưng đã trả; Truy thu đối với Bùi Thị N số tiền lãi 3.813.699đ để sung quỹ nhà nước; Buộc Nhiệm trả lại cho ông Bùi Văn T số tiền 17.066.301đ.

Tổng cộng số tiền mà bị cáo và những người tham gia tố tụng phải nộp như sau:

+ Buộc bị cáo Bùi Thị N nộp lại số tiền cho vay lãi cao là 27.000.000đ (bao gồm cho Bùi Thị N1 vay 7.000.000đ và cho Bùi Văn T vay 20.000.000đ) và số tiền lãi 75.662.461đ đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bùi Thị B2 nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 85.000.000đ; bà Bùi Thị D phải nộp số tiền 125.000.000đ; bà Bùi Thị M phải nộp 125.000.000đ; bà Bùi Thị Y phải nộp 125.000.000đ; Bà

Bùi Thanh H phải nộp 125.000.000đ là số tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Bùi Thị N.

+ Buộc bị cáo Bùi Thị N phải hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền đã thu lời bất chính, cụ thể: Trả cho bà Bùi Thị B2 số tiền 48.697.945đ; trả cho bà Bùi Thị Y và bà Bùi Thanh H số tiền 50.367.123đ (*năm mươi triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba đồng*); trả lại cho bà Bùi Thị D và bà Bùi Thị M số tiền 220.684.932đ (*hai trăm hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*); trả lại cho bà Bùi Thị N1 số tiền 2.008.233đ (*hai triệu, tám nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng*); trả lại cho ông Bùi Văn T số tiền 17.066.301đ (*mười bảy triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm linh một đồng*)

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

+ Tuyên bố bị cáo Bùi Thị N phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Thị N: 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời hạn thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/05/2024.

Giao bị cáo Bùi Thị N cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình quản lý giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Truy thu bị cáo Bùi Thị N tổng số tiền 102.662.461đ (bao gồm 27.000.000đ tiền gốc dùng để cho vay và 75.662.461đ số tiền lãi đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) để sung ngân sách Nhà nước.

+ Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc đã vay của Bùi Thị N nhưng chưa trả, cụ thể: Buộc bà Bùi Thị B2 phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng); bà Bùi Thị D phải nộp số tiền 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng); bà Bùi Thị M phải nộp 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng); bà Bùi Thị Y phải nộp 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng); bà Bùi Thanh H phải nộp 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Bùi Thị N phải hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan số tiền đã thu lời bất chính, cụ thể: Trả lại cho bà Bùi Thị B2 số tiền 48.697.945đ (bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng); trả lại cho bà Bùi Thị Y và bà Bùi Thanh H số tiền 50.367.123đ (năm mươi triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba đồng); trả lại cho bà Bùi Thị D và bà Bùi Thị M số tiền 220.684.932đ (hai trăm hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng); trả lại cho bà Bùi Thị N1 số tiền 2.008.233đ (hai triệu, tám nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng); trả lại cho ông Bùi Văn T số tiền 17.066.301đ (mười bảy triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm linh một đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Bùi Thị N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hòa Bình (b/c)
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS Lạc Sơn ;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo+ Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Minh Giang

